

Tư tưởng của Lê Thánh Tông về mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân

Trương Vĩnh Khang¹

¹ Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
Email: vinhkhangtruong@yahoo.com

Nhận ngày 2 tháng 7 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2019.

Tóm tắt: Lê Thánh Tông nhận thức được rằng, muốn củng cố quyền lực của chế độ, trước hết phải chăm lo đến cái gốc của nước là dân chúng. Trong nhiều chiếu, dụ, lệnh, huấn điều của mình, Lê Thánh Tông không những chỉ ra sự cần thiết phải an dân, mà còn nói rõ yêu cầu đối với hành vi công vụ của quan lại. Trách nhiệm của nhà nước với nhân dân, trách nhiệm của quan lại với nhân dân là những nội dung cơ bản trong tư tưởng trị nước của Lê Thánh Tông. Tư tưởng của Lê Thánh Tông về trách nhiệm của nhà nước với nhân dân chứa đựng những giá trị mang tính thời đại.

Từ khóa: Lê Thánh Tông, nhà nước, nhân dân, tư tưởng.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: King Le Thanh Tong was aware that, in order to strengthen the regime's power, it is necessary to, first of all, take care of the root of the country, which is the people. In many of his edicts, orders and instructions, the king not only pointed out the necessity of bringing peace of mind to the people, but also clearly stated the requirements for the service made by the mandarins. Responsibilities of the state and the mandarins to the people are the basic contents in Le Thanh Tong's thought of ruling the country. His thought on the responsibility of the state to the people contains values which remain valid today.

Keywords: Le Thanh Tong, state, people, thought.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, giai đoạn trị vì của Hoàng đế Lê Thánh

Tông (từ tháng Sáu năm Canh Thìn, 1460 đến tháng Hai năm Đinh Tỵ, 1497) với hai niên hiệu Quang Thuận (1460-1469) và Hồng Đức (1470-1497) được coi là “cực

thịnh". Ngay từ khi lên ngôi và trong suốt 38 năm trị vì đất nước, Lê Thánh Tông không ngừng theo đuổi khát vọng về một nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền quan liêu mạnh, bảo toàn quyền lực và quyền lợi của giai cấp phong kiến mà vương triều Lê là đại diện. Ngay khi lên ngôi, Lê Thánh Tông đã thúc đẩy nhanh việc du nhập Nho giáo và trên cơ sở áp dụng, phát triển Nho giáo mà hình thành quan niệm trị nước.

Trong nền quân chủ tập quyền theo mô hình Nho giáo, có hai mối quan hệ xã hội cơ bản: (1) Quan hệ vua - thần dân, trong đó vua là người trời trị dân và phải có trách nhiệm bảo vệ thần dân của mình, còn thần dân phải tuyệt đối phục tùng vua và các quý tộc, quan lại của vua; (2) Quan hệ vua - tôi, trong đó vua là tối thượng, là người ban danh vọng và bổng lộc cho quý tộc, quan lại, còn bầy tôi bao gồm quý tộc và quan lại phải tuyệt đối trung thành với nhà vua (trung quân). Hai mối quan hệ chính trị cơ bản đó là cội nguồn tạo nên trật tự quan liêu, trật tự đẳng cấp, trật tự gia trưởng (những trật tự của chế độ và xã hội phong kiến).

Nho giáo trong khi chủ trương xây dựng một nền quân chủ tập quyền với việc trao toàn bộ nhiệm vụ cai trị nhân dân cho cá nhân nhà vua thì cũng đồng thời nhận thức rõ vị trí của nhân dân và khuyến khích vua phải yêu quý dân, phải quan tâm đến dân và hành động vì dân. Nho giáo nói về dân: dân duy bang bản (dân là gốc nước); dân vi quý (dân là quý); quân dĩ dân vi thiên (vua lấy dân làm trời)... Các công trình nghiên cứu về Lê Thánh Tông thường đề cập về các giải pháp thực tiễn được ông triển khai trên các phương diện chính trị, pháp luật, kinh tế

và nhất là về văn hóa. Tuy nhiên, sự chú ý chưa đặt trọng tâm vào việc tìm hiểu những quan niệm trị nước của Lê Thánh Tông (yếu tố nền tảng, đóng vai trò chỉ đạo các giải pháp thực tiễn của ông). Bài viết luận bàn tư tưởng của Lê Thánh Tông về mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân. Từ đó, đưa ra những gợi ý trong việc tạo dựng mối quan hệ đúng đắn, lành mạnh giữa nhà nước và nhân dân trên tinh thần phát huy dân chủ, đảm bảo quyền lực nhân dân trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

2. Tư tưởng của Lê Thánh Tông về trách nhiệm của nhà nước đối với nhân dân

Tư tưởng về trách nhiệm của nhà nước với nhân dân trước hết xuất phát từ quan niệm của Lê Thánh Tông về vai trò, vị trí của dân. Ông nhiều lần nói: "Chí lớn ít hay nhiều đều ở muôn dân". "Đạo làm vua rất lớn, phải nghiên cứu rất tinh tường, dưới thì thương yêu dân chúng, trên thì kính trời" [5, tr.123]; "Dân xưa sự nghiệp bao triều đại. Sông núi nhà Nam vạch bản đồ" [6, tr.282-313]; "Hung Đạo an dân công tích ấy. Sứ xanh thom nức vạn năm người..." [6, tr.387]. Trong nhiều tác phẩm của Lê Thánh Tông, quan niệm về dân và đường lối nhân chính của Nguyễn Trãi được tái hiện, như ở các mệnh đề sau: "Trợ dân dẹp loạn trả thù mình..." [6, tr.168]; "Diệt kẻ tàn ác, trừ kẻ bạo ngược là lòng nhân của các bậc đế vương" [6, tr.217]. Tuy nhiên, cũng giống như Nguyễn Trãi, ông mới chỉ nhìn dân, yêu dân như là đối tượng của sự cai trị, cần được nuôi nấng vỗ về, thương yêu, cứu vớt. Làm được điều đó là minh quân, là vua sáng tối hiền, không làm được điều đó là bạo ngược,

vua tôi tôi hèn. Ông và những người cùng thời đại ông chưa khi nào lấy dân làm người chủ của quyền cai trị đất nước, mà theo cách gọi của chúng ta ngày nay là người nắm quyền lực nhà nước. Chính vì vậy, có thể nói tới một thứ chủ nghĩa dân bản trong tư tưởng Lê Thánh Tông nhưng đó là một thứ chủ nghĩa dân bản mang đậm tính đẳng cấp, là chủ nghĩa dân bản “từ trên xuống”, đóng vai trò phụ đề cho chủ nghĩa tôn quân quyền.

Tinh thần lo lắng về vị trí của người “được dân nuôi”, “thay trời trị dân”, “ban bố đức ân” đã dẫn Lê Thánh Tông tới nhận thức về vai trò, trách nhiệm của nhà nước trong quan hệ đối với dân. Nhà nước phải giữ cho yên dân, phải làm cho dân được no đủ, tránh để dân kêu ca, oán thán. Muốn vậy, vua và quan phải có trách nhiệm quan tâm tới dân, phải chú ý đến lợi ích của dân, phải bảo vệ dân, trong hành động phải thường xuyên nghe ngóng phản ứng của dân. Về bản thân mình, trách nhiệm đó đã được ông xác định rõ trong nhiều phát biểu cụ thể, điển hình nhất là trong bài thơ *Quản đạo* (đạo làm vua): “Đạo lớn Đế vương nghĩ đã tinh/ Thương yêu dân chúng kính trời xanh/ Tim đôi kể cách xây đời thịnh/ Bò hẩn chơi bởi giữ nếp thanh/ Cất nhắc anh tài phổ đức đẹp/ Chăm lo vỡ bị trọng quyền bình/ Điều hoà muốn việc theo mùa tiết/ Khấp chồn hân hoan hưởng thái bình” [8, tr.214].

Có thể khẳng định, Lê Thánh Tông là nhà vua đưa ra nhiều chiếu, dụ, lệnh, huấn điều trong thời gian trị vì so với các vị vua khác. Là người có công lao to lớn trong việc phát triển nền giáo dục - khoa cử nho học, trong việc xây dựng bộ máy nhà nước phong kiến trung ương tập quyền hùng mạnh. Lê Thánh Tông chịu ảnh hưởng sâu

sắc nhiều yếu tố của Nho giáo Khổng - Mạnh thể hiện rõ ràng nhất là trong tư tưởng của ông về dân. Khác với tư tưởng về dân của Nguyễn Trãi và nhiều nhà nho, tư tưởng về dân của Lê Thánh Tông đề cập nhiều đến vai trò của dân, từ đó xác định nghĩa vụ của họ đối với nhà vua, cũng như thái độ trách nhiệm của nhà vua, người cầm quyền đối với dân. Ông luôn mơ ước xã hội phong kiến mà ông đứng đầu đạt tới đỉnh cao của sự thịnh trị. Trong xã hội ấy, đất nước hòa bình, dân no ấm, lễ giáo phát triển và quyền thống trị thuộc nhà Lê. Tư tưởng của Lê Thánh Tông về dân no đủ vẫn là tư tưởng cơ bản, quán xuyên mục đích của đường lối cai trị. Ngoài ra, tư tưởng này còn là cơ sở để hình thành và chỉ đạo thực hiện nhiều huấn điều trong cả bộ Quốc triều hình luật. Trong bộ luật này, để cho dân no đủ, yên ổn với nghề nông, có nhiều quy định trừng trị các tội bán ruộng đất, trâu bò, mắm muối cho người nước ngoài, hay trừng trị quan lại lợi dụng chức quyền để chiếm đoạt ruộng đất, của cải của dân, sai khiến dân trái thời vụ... Do nhận thức được vai trò của dân là lực lượng sáng tạo ra của cải vật chất, nền tảng của chế độ chính trị, lực lượng bảo vệ nhà vua... Lê Thánh Tông đặc biệt quan tâm đến đời sống vật chất, đạo đức và nhiều quyền lợi thiết thân của người dân. Vì vậy, trong nhiều tác phẩm, chiếu, dụ, lệnh, huấn điều mà ông ban hành và thực thi, cho thấy rõ tinh thần thân dân, ái dân, trọng dân.

Trong tư tưởng về dân, ngoài biện pháp dưỡng dân, Lê Thánh Tông còn đưa ra nhiều yêu cầu nhà vua, người cầm quyền phải quan tâm đến việc giáo dân. Chịu ảnh hưởng tư tưởng giáo dân của Nho giáo tiên Tần và từ nhận thức vai trò to lớn của đời

sống kinh tế đối với đời sống đạo đức, cũng như vai trò của đạo đức đối với việc đào tạo ra những con người cần có và phù hợp với yêu cầu của nhà vua, của chế độ phong kiến, Lê Thánh Tông đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, đạo đức không chỉ cho nhà vua, đội ngũ quan lại mà cho cả dân [12].

3. Tư tưởng của Lê Thánh Tông về trách nhiệm của quan lại đối với nhân dân

Năm 1485, Lê Thánh Tông ban hành chiếu dụ nêu rõ: “Lễ nghĩa để sửa tốt lòng dân, nông tang để có đủ cơm áo, hai việc cần kíp ấy của chính sự là chức trách của các thú mục” [3, tr.526]. Cũng trong bản chiếu dụ này, Lê Thánh Tông yêu cầu: “Từ nay về sau, bọn các người phải biết bỏ hết tệ trước, phạm sắc lệnh của triều đình phải một lòng vâng làm, nhân dân bị đối rết phải tìm cách kinh lý. Quan phủ huyện châu thì phải hàng năm tùy thời xem xét chỗ ruộng cao thấp, khuyến bảo việc nông tang, đất nào có lợi còn sót thì tùy cách mà giống giá, người nào sức còn rỗi thì tùy việc mà khuyến bảo, để cho dân có của thừa mà không có tệ đối rết trốn đi. Trong những lúc đi tuần hành, đến nơi nào phải đem hết những lời văn của sắc dụ đời trước, lời dạy về lễ nhạc xưa nay, ân cần hiểu báo, để cho dân biết theo tiện, đối lỗi. Nếu có việc gì hại giáo hoá, tổn phong tục thì phải để ý trị răn; có người nào trung tín hiếu để thì phải để lòng khen thưởng. Như thế thì dân theo về trung hậu, đối bỏ hết thói điều bạc gian dối” [3, tr.526].

Năm 1471, trong khi Dụ các quan Thừa tuyên phủ huyện ở Sơn Nam về công việc hành chính tại địa phương, ông đã chỉ ra: “Bọn các người là hạng phương diện chức

to, thân dân trách trọng, không biết thể theo lòng nhân của triều đình nhà nước yêu nuôi nhân dân, chỉ chăm làm những việc nhỏ mọn như roi vọt sổ sách. Nay sứ ty và phủ huyện các người phải mau mau đi xét trong hạt, những nơi núi chằm bờ biển, chỗ nào có thể làm ruộng được; các đê đập ngòi cù, chỗ nào có thể đào đắp được, cùng là chỗ nào có giống hồ lang làm hại, có kẻ cường hào xui giục kiện tụng, phong tục điều bạc, nhân dân đau khổ, hết thấy các việc tiện lợi nên làm, những mối tệ hại nên bỏ, trong hạn 100 ngày phải tâu rõ ràng lên. Nếu để chậm quá hạn thì sẽ bị trị tội...” [3, tr.484].

Từ năm 1470, Lê Thánh Tông lệnh cho các trường quan phụ trách ty, viện phải thực hiện đều đặn phép khảo khoá (lệ định kỳ nhận xét, đánh giá quan lại để thực hiện việc điều chuyển, thưởng phạt) trong đó, tiêu chí để đánh giá hoàn thành tốt chức trách là: có được nhân dân yêu mến không; có lòng thương yêu nhân dân không; trong hạt, nhân dân có trốn đi nơi khác không. Trong lời Dụ về phép khảo khoá này, Lê Thánh Tông hướng dẫn: “Định lệ khảo khoá quan lại nơi cai quản. Trường quan các nha môn trong ngoài khi đi khảo khoá các quan viên trong phạm vi cai quản thì phải xét kỹ thành tích trong công việc mà viên đó đã làm. Nếu quá là có lòng chăm con yêu thương dân, được nhân dân yêu mến mà trong nơi cai quản ít kẻ trốn tránh thì mới là xứng chức. Nếu vợ vét, quấy nhiễu, gây tệ riêng tư và trong nơi cai quản có nhiều người trốn đi thì là không xứng chức” [3, tr.474].

Một Chi dụ của Lê Thánh Tông được ghi lại trong sách Hồng Đức thiện chính thư (điều 113, không rõ năm) cũng phản ánh quan niệm của ông về nghĩa vụ của quan lại: “Các quan viên là những người gân góck của xóm làng,

nhờ đó mà chính được phong tục. Vậy phải lấy lễ nghĩa làm si mà dạy dân; khiến cho nhân dân đều hướng về chữ nhân, chữ nhượng, bỏ hết lòng gian phi, để cho dân được an cư lạc nghiệp, giàu có đông đúc, mình cũng được tiếng trường giả trong làng” [4, tr.54].

Không chỉ dừng ở việc nói về trách nhiệm của nhà nước, tư tưởng của Lê Thánh Tông còn thể hiện khá rõ qua những biện pháp cụ thể để củng cố cơ sở xã hội của nhà nước. Ý thức được rằng, “nuôi dân là phải lấy ăn làm đầu”, “dân coi cái ăn là trời” và “no nên bụt, đói nên ma” [6, tr.173-191], Lê Thánh Tông chủ trương phải “làm sao cho muối, cá, lúa nhiều, dân được theo mỗi lợi và thuế má nhẹ [6, tr.403]. Từ đó, chủ nghĩa dân bản của Lê Thánh Tông đặt trọng tâm vào việc Nhà nước chăm lo ổn định đời sống của dân chúng về mặt kinh tế, chủ yếu là khuyến khích nông tang. Nhà nước ban hành phép quân điền chia ruộng công làng xã, đào sông kênh dẫn nước, đại xá khi mất mùa, sai quan cầu đảo khi hạn hán, cúng trừ sâu lúa... Cũng từ việc ý thức được rằng “dân là gốc của nước”, ông hướng việc trọng dụng nhân tài theo nguyên tắc “dụng nhân duy hiền”, từ đó mở ra khả năng cho những người có nguồn gốc bình dân được tham gia vào quan trường phong kiến và điều này trên thực tế đã ảnh hưởng không nhỏ tới các chính sách của nhà vua. Đặc biệt, ý thức được rằng “coi dân như con” ông đã có không ít biện pháp để bảo vệ dân, trước hết là pháp luật. Về điểm này, có thể dẫn ra khá nhiều ví dụ cụ thể trong Bộ luật Hồng Đức do ông chủ xướng xây dựng và ban hành.

Bộ Quốc triều hình luật (luật Hồng Đức) [10] có nhiều quy định chống nạn sách

nhiếu, những lạm, hà hiếp dân nghèo của quan lại, thế gia cường hào, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân. Ví dụ: các Điều 193, 256, 299, 301, 302 xử phạt nặng quan lại nhỏ dùng uy quyền của mình để bắt dân sai phái, phục dịch riêng; Điều 337 phạt biếm nhà quyền thế lấy con gái lương dân bằng cách ức hiếp; Điều 421, 469 cấm mọi hành vi ngược đãi của quan lại cường hào đối với dân nghèo; Điều 460, 461, 530 phạt nặng quan đi bắt trộm, nhân đó cường xiết tài sản của nhân dân; Điều 637, 638, 672 cấm quan lại địa phương không được tự tiện bắt quân dân đóng góp tài vật để dùng riêng cho mình; Điều 706 quy định phạt nặng ngục quan hành hạ phạm nhân;... Bộ luật Hồng Đức dành 11 Điều: Điều 166, 168, 289, 290, 311, 312 329, 347, 361, 364, 452 để bảo vệ quyền làm dân tự do, chống nạn nô tỳ hoá.

Bộ luật Hồng Đức có khá nhiều quy định bảo vệ những người thiếu số, những người cô đơn, tàn tật, goá bụa, người già, trẻ nhỏ, phụ nữ, trên tinh thần tôn trọng quyền cá nhân. Chẳng hạn: Điều 293, 294 quy định về trách nhiệm của quan lại địa phương phải cứu trợ những người nghèo khó, ốm đau; Điều 324 quy định đảm bảo sự công bằng trong chia bố thuế dịch giữa người giàu và người nghèo; Điều 156, 197 quy định trừng trị các quan xử án vi phạm thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi người nghèo; điều 380 quy định quyền của con nuôi... Đặc biệt những quy định về quyền nhân thân và tài sản của phụ nữ được ghi nhận trong bộ luật là những quy định hết sức đặc sắc, thể hiện một thái độ trọng thị phụ nữ. Điều này hoàn toàn khác với tinh thần Nho giáo đương thời. Người phụ nữ tuy vẫn phụ thuộc vào người chồng

gia trưởng nhưng đã có quyền có tài sản riêng, khi chồng chết có quyền quản lý tài sản của chồng và được chia đôi phần tài sản chung (các Điều 374, 375, 376), có quyền được thừa kế ruộng hương hoá khi bố mẹ chết mà gia đình không có con trai (Điều 391, 395)... Không những thế, bộ luật còn có một vài quy định về quyền nhân thân của người vợ mà chưa hề thấy có trong bất cứ một bộ luật phương Đông nho giáo nào, như Điều 308 quy định: “Phàm chồng đã bỏ lửng vợ năm tháng không đi lại (vợ được trình với quan sở tại và xã quan làm chứng) thì mất vợ. Nếu vợ đã có con thì hạn một năm. Vì việc quan phải đi xa thì không theo luật này” [10, tr.146]; Điều 322 quy định: “Con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn, nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái được kêu oan mà trả đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả đồ lễ; trái luật thì bị xử phạt 80 trường” [10, tr.150].

4. Kết luận

Trách nhiệm của nhà nước với nhân dân là một bộ phận không tách rời trong tư tưởng về Nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông. Tiếp thu đường lối nhân nghĩa của cha ông, trong đó tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là một định hướng quan trọng, Lê Thánh Tông đã dựa trên nền tảng Nho giáo để yêu dân, chăm sóc dân và trong chừng mực nào đó đã đặt nhà nước vào thể trạng dân.

Tư tưởng của Lê Thánh Tông về trách nhiệm của nhà nước đối với dân chúng

cũng chứa đựng những giá trị mang tính thời đại. Mặc dù, về mặt bản chất, trách nhiệm nhà nước trong quan niệm của Lê Thánh Tông không tương đồng với nội dung yêu cầu về vai trò, trách nhiệm của nhà nước phục vụ nhân dân cũng như trách nhiệm qua lại giữa nhà nước và nhân dân trong hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta hiện nay.

Các phân tích đều cho thấy, cái gốc của chế độ nhà nước pháp quyền là xác lập dân chủ, tức là thừa nhận và bảo đảm thực hiện quyền lực của nhân dân. Nói cách khác, quyền lực Nhà nước trong Nhà nước pháp quyền phải là sản phẩm đích thực của ý chí nhân dân (người chủ của quyền lực). Bản chất dân chủ của chế độ chính trị ở nước ta đặt nhân dân ở vị trí chủ nhân đất nước và nguồn gốc của quyền lực, do vậy đòi hỏi mọi quyết định và hành động của các thiết chế quyền lực đều phải bắt nguồn từ ý chí nhân dân.

Trong khi đó, tư tưởng về mối quan hệ nhà nước - nhân dân của Lê Thánh Tông đã không đặt nhân dân ở vị thế chủ thể của quyền lực. Nhân dân trong quan niệm của Lê Thánh Tông là đối tượng cai trị của quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, để cai trị có hiệu quả đối tượng của mình, nhà nước (vua) phải tự ý thức được trách nhiệm của mình, cho dù trách nhiệm đó không phải là trách nhiệm pháp lý và được xác định chi nhằm mục đích lợi ích của người cai trị dân. Đó chính là yếu tố hiện hữu trong tư tưởng của Lê Thánh Tông. Và đây chính là điểm tương đồng, dù là ít ỏi trong sự khác biệt mang tính bản chất nói trên giữa tư tưởng về trách nhiệm của nhà nước đối với dân của Lê Thánh Tông và tư tưởng về Nhà

nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng ta đề xướng và phấn đấu thực hiện.

Ở nước ta hiện nay, trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, có tình trạng vừa thiếu dân chủ, vừa thiếu kỷ cương. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng và phát huy. Bộ máy nhà nước ở một số nơi chưa thật sự vì dân, phục vụ dân mà là một bộ máy xa dân, thậm chí phiền hà, sách nhiễu dân, làm cho quần chúng nhân dân bất bình, mất lòng tin. Đâu đó vẫn tồn tại tình trạng bộ máy chính quyền công kênh, nặng nề, ai cũng có quyền với dân, nhưng ít ai chịu trách nhiệm đến cùng giải quyết yêu cầu cho dân với không ít viên chức thiếu trách nhiệm, thiếu năng lực, làm việc tùy tiện, hách dịch cửa quyền, vô cảm trước những bức xúc, khó khăn, oan ức của nhân dân. Do đó, tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền theo hướng bảo đảm tôn trọng quyền con người, quyền công dân trên cơ sở xác định trách nhiệm qua lại giữa nhà nước với công dân cũng như trách nhiệm của nhà nước phục vụ nhân dân đang là một nhiệm vụ cấp bách. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ đó, cần tham khảo tư tưởng của Lê Thánh Tông về mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân (với mong muốn tăng cường trách nhiệm của nhà nước nhằm gia tăng sự ủng hộ của nhân dân cho vương triều phong kiến của mình).

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] *Đại Việt sử ký toàn thư* (1985), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] *Đại Việt sử ký toàn thư* (2004), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Sĩ Giác (1959), *Hồng đức thiện chính thư*, Nam Hà ấn quán, Sài Gòn.
- [5] Mai Xuân Hải (1984), *Thơ văn Lê Thánh Tông*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Mai Xuân Hải (1998), *Lê Thánh Tông - thơ văn và cuộc đời*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [7] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Phan Quang, Trương Hữu Quỳnh (1980), *Lịch sử Việt Nam* (quyển 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Quốc triều hình luật (2013), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- [11] Ngô Gia Văn Phái (1998), *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [12] <http://baomoi.com/tu-tuong-ve-dan-cua-le-thanh-tong/c/29861665epi>